

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS - ST
Ngày 26/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Thắng;

2. Ông Nguyễn Công Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST- HS, ngày 30/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 05/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 10 năm 1991 tại huyện G, tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân A, sinh năm 1964 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1965; Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 05/4/2024 thì được hủy bỏ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 5 năm 1984 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Chồng là Nông Thiên T2 (Đã chết) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 25/12/2020, Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) về hành vi đánh bạc (Theo Quyết

định xử phạt vi phạm hành chính số 09) và đã thi hành xong vào ngày 28/12/2020. Ngày 10/8/2021, Công an thị trấn Y, huyện N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ (*Bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*) về hành vi đánh nhau (*Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10*) và đã thi hành xong vào ngày 12/8/2021.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 05/4/2024 thì được hủy bỏ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị H1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Chồng: Chưa có; Có 01 con, sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Văn T3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T5, sinh năm 1974; Vợ là Nguyễn Thị T6, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Cao Thế A1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 7 năm 1985 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Phương H2, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1960; Vợ là Mai Thị G, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Cao Văn L1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 7 năm 1988 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L2, sinh năm 1962 và bà Trần Thị L3, sinh năm 1965; Vợ là Nguyễn Thị H4, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 cho đến nay.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1978, trú tại: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt)

2. Hoàng Thị D, sinh năm 1980, trú tại: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt)

3. Nông Thị N1, sinh năm 1972, trú tại: Tổ N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt)

4. Triệu Minh Đ (tên gọi khác: Triệu Văn Đ1), sinh năm 1966, trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Nguyễn Bá H5, sinh năm 1976, trú tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; (vắng mặt)

2. Đoàn Văn Đ2, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 ngày 25/3/2024, Phòng C Công an tỉnh nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc vợ chồng Nguyễn Văn T7; Hoàng Thị D, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị N và Đỗ Xuân T, sinh năm 1991 trú tại tổ dân phố T vào các buổi chiều hàng ngày thường xuyên tổ chức đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép qua điện thoại di động. Sau khi nhận tin báo, phòng C đã thành lập các tổ công tác phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh làm rõ theo quy định.

Hồi 18 giờ 35 phút ngày 25/3/2024, Phòng C Công an tỉnh tiến hành kiểm tra, lập biên bản sự việc đối với Nguyễn Văn T7 và Hoàng Thị D có hành vi nhắn tin mua số lô, số đề với Nguyễn Thị N. Tiến hành tạm giữ 02 (hai) điện thoại di động của T7 và 01 (một) điện thoại di động của D để phục vụ việc điều tra, xác minh.

Hồi 19 giờ 30 phút và 20 giờ 05 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh tiến hành lập biên bản sự việc và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, phương tiện đối với Đỗ Xuân T. Qua làm việc và khám xét đã tiến hành tạm giữ: 02 (hai) điện thoại di động các loại; 01 (một) bộ kit mạng Vinaphone có thể sim ghi dãy số 89840200011496569615 và số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Hồi 20 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, phương tiện đối với Nguyễn Thị N tại tổ N, thị trấn Y, huyện N. Qua khám xét đã tiến hành tạm giữ: 04 (bốn) điện thoại di động các loại; 06 (sáu) quyền vớ các loại và một số tài sản, tài liệu khác.

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác minh ban đầu Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, làm việc với: Đỗ Văn T3, Đoàn Văn Đ2, Nông Thị N1, Triệu Minh Đ, Nguyễn Thị H1, Cao Thế A1, Cao Văn L1 và một số người có liên quan để làm rõ các nội dung liên quan đến việc đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép qua điện thoại di động.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra, thống kê việc mua bán số lô, số đề qua tin nhắn có trên điện thoại của các đối tượng để làm rõ hành vi đánh bạc trái phép và tiến hành việc trưng cầu giám định các vấn đề liên quan đến vụ việc để điều tra làm rõ hành vi vi phạm của các đối tượng theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 1652/KL-KTHS ngày 10/6/2024 của Phòng Công an tỉnh V kết luận: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định thu được kết quả: Mẫu A1: Không có dữ liệu theo yêu cầu giám định; Mẫu A2: 3121 tin nhắn SMS, 3288 tin nhắn qua ứng dụng Zalo và 114 tin nhắn ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu nêu trên được nén và sao lưu vào đĩa DVD...”*.

Tại bản kết luận giám định số 1653/KL-KTHS ngày 10/6/2024 của Phòng Công an tỉnh V kết luận: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định thu được kết quả: 750 tin nhắn SMS, 11055 tin nhắn qua ứng dụng Zalo và 10584 tin nhắn ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu nêu trên được nén và sao lưu vào đĩa DVD...”*.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định cách thức đánh bạc của các bị cáo và các đối tượng có liên quan: Các bị cáo và người tham gia đánh bạc đã thỏa thuận sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho nhau để mua bán số lô, số đề. Sau khi bên bán nhận được tin nhắn thì sẽ nhắn tin trả lời lại là “Ok” để thể hiện đồng ý việc mua bán đó. Các bị cáo và người chơi thống nhất hình thức đánh bạc thông qua mua bán số lô, số đề như sau: Người mua số lô, số đề có thể chọn những hình thức đánh là đề hoặc lô và các hình thức khác với từng hình thức cụ thể sẽ có quy định tỷ lệ thắng, thua như sau:

- Đối với số đề: Người mua chọn con số bất kỳ từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng trong ngày thì đối chiếu, nếu số đã mua trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt thì là trúng đề, còn lại là không trúng. Nếu trúng đề thì người bán số đề phải trả thưởng cho người mua theo tỉ lệ 1 ăn 70 hoặc 1 ăn 84 theo thỏa thuận của tùy từng người tức là trả thưởng số tiền 70.000đ (*bảy mươi nghìn đồng*) hoặc 84.000đ (*tám mươi tư nghìn đồng*), nếu số trúng thưởng được người chơi mua với số tiền là 1.000đ (*một nghìn đồng*).

- Đối với số lô: Người mua chọn con số bất kỳ từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng trong ngày thì đối chiếu, nếu số đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải nào (từ giải đặc biệt đến giải bảy) thì là trúng lô, còn lại là không trúng. Nếu trúng một điểm lô (tiền mua mỗi điểm lô do bên bán và bên mua tự thỏa thuận) thì người bán số lô phải trả thưởng cho người mua là 80.000đ (*tám mươi nghìn đồng*).

Tất cả các hình thức đánh lô, đề, nếu không trúng thưởng thì người mua phải trả toàn bộ số tiền đánh cho người bán số lô, số đề; trường hợp nào được chiết

khấu tiền mua các số đề thì người mua phải trả toàn bộ số tiền thực tế sau khi đã trừ tiền % được chiết khấu từ số tiền đánh cho người bán các số đề.

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được hành vi đánh bạc của các bị cáo như sau:

1.1. Hành vi đánh bạc của Đỗ Xuân T.

Từ khoảng giữa năm 2023, khi đi làm thuê tại Quảng Ninh, T có quen người đàn ông tên Hoàng A2 (*T không rõ họ tên, địa chỉ*), được Hoàng A2 giới thiệu và cho số điện thoại 0865.197.233 của người tên T8 nhà ở tỉnh Bắc Kạn vì T8 có nhận số lô, số đề. T chưa gặp trực tiếp người đàn ông tên T8 bao giờ mà chỉ nhắn tin gọi điện với nhau. T8 cho T làm thư ký cho T8, hằng ngày T sử dụng các số điện thoại 0343.560.815, 0948.556.366 để bán các số lô, số đề cho người khác rồi chuyển qua số điện thoại 0865.197.233 cho T8 để hưởng lợi tiền chênh lệch.

Đỗ Xuân T sử dụng số điện thoại 0343.560.815 và tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0343.560.815 với tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0948.556.366 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề của những người sau:

- Bị cáo Nguyễn Thị N qua số điện thoại 0374.096.529 mua với T các số lô, số đề và lô xiên sau:

+ Các số lô gồm: 11 x100 điểm; 38, 83, 18, 43, 93, 70 mỗi con 03 điểm; 66 x5 điểm; 88, 74, 63, 82 mỗi con 03 điểm; 87 x2 điểm; 11, 66, 44, 99, 77, 67, 76 x3 điểm. Tổng 158 điểm lô tương ứng với số tiền 3.523.400đ (ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

+ Các số đề gồm: 03, 30, 08, 80, 09, 90 mỗi con 50.000đ; 66 x30.000đ; 54, 09, 90 mỗi con 20.000đ; Các số đề đầu 6 (gồm 60, 61, 62, 63, 64, 65, 67, 68, 69) mỗi con 3.000đ; Các số đề kép (gồm 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99) mỗi con 3.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) x10.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 10.000đ; 30, 90 mỗi con 100.000đ; 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi con 80.000đ; 10, 40, 50, 60, 70, 80 mỗi con 50.000đ; 20, 93 mỗi con 30.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi con 20.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 50.000đ; 05, 50, 01, 10, 16, 61, 02, 20 mỗi con 30.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi con 15.000đ; Các số đề đít 0 (00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 35.000đ; 10 x50.000đ; 90, 80 mỗi con 20.000đ; 40, 20, 10 mỗi con 10.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 50.000đ. Tương ứng số tiền 4.070.000đ (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

+ Các số lô xiên gồm: Xiên 4: 72, 99, 66, 54 x10.000đ; Xiên 3: 88, 82, 74 x10.000đ; 88, 83, 38 x20.000đ; 72, 99, 66, 54 x10.000đ; Xiên 2: 88, 82 x30.000đ. Tương ứng số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền mua các số lô, số đề và lô xiên là 7.663.400đ (*bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng*). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, N trúng thưởng số lô 11 x103 điểm; số lô 38, 77, 70, 99 mỗi con 03 điểm; tổng 115 điểm lô tương ứng số tiền 9.200.000đ (*chín triệu hai*

trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa N và T vào ngày 25/3/2024 là 16.863.400đ (mười sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 qua tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0399.553.509 mua với T các số đề gồm: 00 x50.000đ; 55, 08, 98 mỗi con 20.000đ; 28, 80, 57, 75, 99, 90, 06, 05, 95 mỗi con 10.000đ; 58, 88, 04, 07, 77, 18 mỗi con 5.000đ; 28, 05, 08, 82 mỗi con 10.000đ; 55, 87, 85, 80, 20, 57, 75, 04, 16, 27, 25, 18, 15, 53 mỗi con 5.000đ; tương ứng số tiền 340.000đ (ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Các số ba càng gồm: 775, 757 mỗi con 5.000đ; 753 x10.000đ; tương ứng số tiền 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền mua các số đề và ba càng là 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, H1 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H1 là 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Đỗ Văn T3 qua tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0966.091.793 mua với T các số lô gồm: 18, 81 mỗi con 40 điểm; tổng 80 điểm tương ứng số tiền là 1.752.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, T3 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và T3 là 1.752.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Bị cáo Cao Thế A1 qua tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0868.165.467 mua với T các số lô gồm: 59, 95 mỗi con 10 điểm; tổng 20 điểm tương ứng số tiền 438.000đ (bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng). Xiên 3: 59 95 74 x40.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, lô xiên là 478.000đ (bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, Anh không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và Anh là 478.000đ (bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Đoàn Văn Đ2, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định qua tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0916.787.523 mua với T số lô 64 x10 điểm tương ứng số tiền là 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, Đ2 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và Đ2 là 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 25/3/2024 của bị cáo Đỗ Xuân T với những người trên là: 19.683.400đ (mười chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài hành vi phạm tội đánh bạc vào ngày 25/3/2024, cơ quan điều tra còn làm rõ trước đó, bị cáo Đỗ Xuân T còn được bán các số lô, số đề trái phép cho nhiều người khác. Cụ thể:

- Ngày 29/02/2024, bị cáo T sử dụng tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0343.560.815 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0399.553.509 của bị cáo Nguyễn Thị H1 các số lô, số đề và lô xiên sau:

+ Các số lô gồm: 27, 72 mỗi con 15 điểm; 38, 83 mỗi con 07 điểm; 46, 64, 87, 79, 54 mỗi con 05 điểm; 78, 57 mỗi con 03 điểm. Tổng 75 điểm lô tương ứng số tiền 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Các số đề gồm: 22, 20 mỗi con 35.000đ; 66 x20.000đ; 90, 77, 82, 68, 28, 55 mỗi con 15.000đ; 35, 83, 33, 99, 62, 63, 65, 02, 44 mỗi con 10.000đ; 57, 15, 27, 88, 49, 94 mỗi con 5.000đ; Các số đầu 6 mỗi con 5.000đ; 37, 73 mỗi con 30.000đ; 44, 99, 49, 94, 27, 72 mỗi con 20.000đ; 77, 63, 79 mỗi con 15.000đ; Các số đít 3 mỗi con 5.000đ; Các số đít 7 mỗi con 5.000đ; Các số đầu 7 mỗi con 10.000đ. Tương ứng số tiền 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 2.425.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 29/02/2024, H1 trúng thưởng số lô 27 x15 điểm; 83 x7 điểm; 46 x5 điểm x2 nháy; 54 x5 điểm x 2 nháy. Tổng trúng 42 điểm lô tương ứng số tiền 3.360.000đ (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H1 là 5.785.000đ (năm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Ngày 20/3/2024, bị can T sử dụng số điện thoại 0343.560.815 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ:

+ Số điện thoại 0862.358.128 của bị cáo Cao Văn L1 mua với T các số lô, số đề với số tiền mua các số đề là: 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), trong đó có số đề 44 x15.000đ (một trăm mười lăm nghìn đồng). Các số lô với số tiền 690.000đ (sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Các số ba càng số tiền 10.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 20/3/2024, L1 trúng thưởng 115.000đ (một trăm mười lăm nghìn đồng) tiền đề số đề 44 tương ứng số tiền 9.660.000đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo L1 là 11.460.000đ (mười một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0399.553.509 của bị can Nguyễn Thị H1 mua với T các số lô gồm: 16, 17, 18 mỗi con 03 điểm, tổng 09 điểm tương ứng số tiền 198.000đ (một trăm chín mươi tám nghìn đồng). Các số đề gồm: 80, 00 mỗi con 50.000đ; 82, 86, 96, 90 mỗi con 25.000đ; 85, 77, 72, 73, 70, 27 mỗi con 15.000đ; 18, 81, 78, 55, 88, 95, 84, 44 mỗi con 10.000đ; 87, 11, 22, 66, 94, 97, 06 mỗi con 5.000đ; 96 x50.000đ; 91 x10.000đ; 41, 04, 40, 57, 07 mỗi con 5.000đ, tương ứng số tiền 490.000đ (bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Ba càng gồm: 000, 090 mỗi con 10.000đ; 595, 585, 555 mỗi con 5.000đ, tương ứng số tiền 35.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 723.000đ (bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 20/3/2024, H1 trúng thưởng 10.000đ (mười nghìn đồng) tiền số đề 44 x10.000đ tương ứng số tiền 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị can T và bị cáo H1 là: 1.563.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Tổng Số tiền đánh bạc của bị cáo T vào ngày 20/3/2024 là: 11.460.000đ + 1.563.000đ = 13.023.000đ (mười ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Ngày 22/3/2024, bị cáo T sử dụng số điện thoại 0343.560.815 và 0948.556.366 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ:

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0868.165.467 của bị cáo Cao Thế A1 mua với T các số lô gồm: 46 x140 điểm; 84, 42, 19 mỗi con

50 điểm, tổng 290 điểm tương ứng số tiền 6.351.000đ (sáu triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng). Các số đề gồm: 46 x160.000đ; 64 x50.000đ, tương ứng số tiền 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng). Ba càng: 046 x20.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 6.581.000đ (sáu triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 22/3/2024, bị cáo A1 trúng thưởng số lô 84 x50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo A1 là: 10.581.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng).

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0399.553.509 của bị can Nguyễn Thị H1 mua với T các số lô gồm: 80, 18, 03 mỗi con 5 điểm; 42, 30, 08, 52 mỗi con 3 điểm; tổng 27 điểm tương ứng số tiền 594.000đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Các số đề gồm: 81 x100.000đ; 85 x50.000đ; 18, 08, 80, 82 mỗi con 30.000đ; 78, 28, 68, 86, 55 mỗi con 20.000đ; 87, 95, 98, 91, 75, 99, 00, 15, 38, 83, 90 mỗi con 10.000đ; Các số đầu 8 mỗi con 5.000đ; Các số đít 8 mỗi con 5.000đ; tương ứng số tiền 580.000đ (năm trăm tám mươi nghìn đồng). Ba càng 881 x10.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 1.184.000đ (một triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 22/3/2024, H1 trúng thưởng số lô 03 x05 điểm tương ứng số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo H1 là: 1.584.000đ (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

+ Tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0916.787.523 của Đoàn Văn Đ2 mua với T số lô 68 x10 điểm tương ứng số tiền là 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 22/3/2024, Đ2 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và Đ2 là 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo T vào ngày 22/3/2024 là: 10.581.000đ + 1.584.000đ + 230.000đ = 12.395.000đ (mười hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Ngày 24/3/2024, bị cáo T sử dụng tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0343.560.815 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ:

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0966.091.793 của bị cáo Đỗ Văn T3 mua với T các số lô gồm: 29, 92 mỗi con 50 điểm tương ứng số tiền là 2.190.000đ (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 24/3/2024, T3 trúng thưởng số lô 29 x50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo T3 là 6.190.000đ (sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0868.165.467 của bị cáo Cao Thế A1 mua với T các số lô gồm: 02, 20 mỗi con 5 điểm; 68 x50 điểm; 53 x60 điểm; 35 x40 điểm; tổng 160 điểm lô tương ứng số tiền 3.504.000đ (ba triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng). Các số đề gồm: 63, 64 mỗi con 200.000đ; 46, 36, 60, 61 mỗi con 50.000đ; 56, 58 mỗi con 50.000đ; 57 x100.000đ; tương ứng số tiền 800.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 4.304.000đ (bốn triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày

24/3/2024, Anh trúng thưởng số lô 35 x40 điểm tương ứng số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo Cao Thế A1 là 7.504.000đ (bảy triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng).

+ Tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại 0399.553.509 của bị cáo Nguyễn Thị H1 mua với T các số đề gồm: 16, 57, 75 mỗi con 20.000đ; 55, 00 mỗi con 10.000đ; 08, 80, 05, 50, 11, 66, 61, 90, 92 mỗi con 5.000đ; tương ứng số tiền 125.000đ (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ba càng gồm: 575, 775, 557, 757 mỗi con 5.000đ, tương ứng số tiền 20.000đ. Tổng số tiền mua các số đề và ba càng là 145.000đ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 24/3/2024, H1 không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H1 là: 145.000đ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo T vào ngày 24/3/2024 là: 6.190.000đ + 7.504.000đ + 145.000đ = **13.839.000đ** (mười ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Căn cứ tài liệu thu thập được xác định hành vi đánh bạc của T vào ngày 25/3/2024 và các ngày trước đó, sau khi nhận được các tin nhắn mua số lô, số đề từ những người khác thì T đều đã chuyển toàn bộ các số lô, số đề đến số điện thoại 0865.197.233 của một người đàn ông tên T8 nhà ở tỉnh Bắc Kạn (T không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) để hưởng lợi tiền chênh lệch.

1.2. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị N.

Nguyễn Thị N là chị vợ của Đỗ Xuân T, biết T có ghi số lô, số đề trái phép nên N đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với T và được T đồng ý. Hằng ngày N bán số lô, số đề cho một số người khác rồi tổng hợp lại và tự mình đánh thêm các số lô, số đề sau đó sử dụng số điện thoại di động 0374.096.529 nhắn các tin nhắn chứa nội dung mua số lô, số đề đến số điện thoại di động 0343.560.815 với T.

Cơ quan điều tra đã làm rõ ngày 25/3/2024, Nguyễn Thị N sử dụng các số điện thoại: 0374.096.529, 0383.559.286 để nhận cuộc gọi và tin nhắn mua số lô, số đề của những người sau:

- Nguyễn Văn T7 qua số điện thoại 0332.316.422 mua với N các số lô 38, 83, 18, 43, 93, 70 mỗi con 03 điểm. Tổng 18 điểm lô tương ứng với số tiền 405.000đ (bốn trăm linh năm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, T7 trúng thưởng số lô 38 x3 điểm, 70 x3 điểm, tổng 06 điểm lô tương ứng số tiền 480.000đ (bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa N và T7 là 885.000đ (tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Hoàng Thị D qua số điện thoại 0987.597.422 mua với N các số đề gồm: 05, 50, 01, 10, 16, 61, 02, 20 mỗi con 10.000đ; các số đầu 0 mỗi con 10.000đ; các số đít 0 mỗi con 15.000đ; tương ứng với số tiền 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng). Các số lô gồm: 11, 66, 44, 99, 77, 67, 76 mỗi con 03 điểm, tổng 18 điểm lô tương ứng với số tiền 472.500đ (bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 802.500đ (tám trăm linh hai nghìn năm trăm đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, D trúng thưởng số lô 11, 77, 99 mỗi con 03 điểm, tổng 09 điểm lô tương ứng số tiền 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa N và D là 1.522.500đ (một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Nông Thị N1 qua số điện thoại 0392.950.763 mua với N các số đề gồm: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi con 50.000đ, tương ứng với số tiền là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, N1 không trúng thưởng. Số tiền đánh bạc giữa N và N1 là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*).

- Triệu Minh Đ qua số điện thoại 0385.564.594 mua với N số lô 11 x10 điểm, tương ứng với số tiền là 230.000đ (*hai trăm ba mươi nghìn đồng*). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, Đòng trúng thưởng 10 điểm lô, tương ứng số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc giữa N và Đ là 1.030.000đ (*một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Sau đó, N tổng hợp lại và tự mình đánh thêm các số lô, số đề rồi sử dụng số điện thoại di động 0374.096.529 nhắn các tin nhắn chứa nội dung mua số lô, số đề đến số điện thoại di động 0343.560.815 của bị can Đỗ Xuân T. N mua với T những số lô, số đề và lô xiên sau:

- Các số lô gồm: 11 x100 điểm; 38, 83, 18, 43, 93, 70 mỗi con 03 điểm; 66 x5 điểm; 88, 74, 63, 82 mỗi con 03 điểm; 87 x2 điểm; 11, 66, 44, 99, 77, 67, 76 x3 điểm. Tổng 158 điểm lô tương ứng với số tiền 3.523.400đ (*ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

- Các số đề gồm: 03, 30, 08, 80, 09, 90 mỗi con 50.000đ; 66 x30.000đ; 54, 09, 90 mỗi con 20.000đ; Các số đề đầu 6 (gồm 60, 61, 62, 63, 64, 65, 67, 68, 69) mỗi con 3.000đ; Các số đề kép (gồm 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99) mỗi con 3.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) x10.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 10.000đ; 30, 90 mỗi con 100.000đ; 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi con 80.000đ; 10, 40, 50, 60, 70, 80 mỗi con 50.000đ; 20, 93 mỗi con 30.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi con 20.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 50.000đ; 05, 50, 01, 10, 16, 61, 02, 20 mỗi con 30.000đ; Các số đề đầu 0 (gồm 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi con 15.000đ; Các số đề đít 0 (00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 35.000đ; 10 x50.000đ; 90, 80 mỗi con 20.000đ; 40, 20, 10 mỗi con 10.000đ; Các số đề đít 0 (gồm 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi con 50.000đ. Tương ứng số tiền 4.070.000đ (*bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- Các số lô xiên gồm: Xiên 4: 72, 99, 66, 54 x10.000đ; Xiên 3: 88, 82, 74 x10.000đ; 88, 83, 38 x20.000đ; 72, 99, 66, 54 x10.000đ; Xiên 2: 88, 82 x30.000đ. Tương ứng số tiền 70.000đ (*bảy mươi nghìn đồng*).

- Tổng số tiền mua các số lô, số đề và lô xiên là 7.663.400đ (*bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng*). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 25/3/2024, N trúng thưởng số lô 11 x103 điểm; số lô 38, 77, 70, 99 mỗi con 03 điểm, tổng 115 điểm lô tương ứng số tiền 9.200.000đ (*chín triệu hai trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc giữa N và T vào ngày 25/3/2024 là **16.863.400đ** (*mười sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

1.3. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị H1.

Nguyễn Thị H1 là chị vợ của Đỗ Xuân T, biết T có ghi số lô, số đề nên H1 đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với T và được T đồng ý. Sau đó, hàng ngày H1 sử dụng tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0399.553.509 nhắn tin đến tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0343.560.815 của T để mua số lô, số đề, cụ thể:

Ngày 29/02/2024, bị cáo Nguyễn Thị H1 nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo Đỗ Xuân T các số lô, số đề sau:

+ Các số lô gồm: 27, 72 mỗi con 15 điểm; 38, 83 mỗi con 07 điểm; 46, 64, 87, 79, 54 mỗi con 05 điểm; 78, 57 mỗi con 03 điểm. Tổng 75 điểm lô tương ứng số tiền 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Các số đề gồm: 22, 20 mỗi con 35.000đ; 66 x20.000đ; 90, 77, 82, 68, 28, 55 mỗi con 15.000đ; 35, 83, 33, 99, 62, 63, 65, 02, 44 mỗi con 10.000đ; 57, 15, 27, 88, 49, 94 mỗi con 5.000đ; Các số đầu 6 mỗi con 5.000đ; 37, 73 mỗi con 30.000đ; 44, 99, 49, 94, 27, 72 mỗi con 20.000đ; 77, 63, 79 mỗi con 15.000đ; Các số út 3 mỗi con 5.000đ; Các số út 7 mỗi con 5.000đ; Các số đầu 7 mỗi con 10.000đ. Tương ứng số tiền 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 2.425.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 29/02/2024, H1 trúng thưởng số lô 27 x15 điểm; 83 x7 điểm; 46 x5 điểm x2 nháy; 54 x5 điểm x 2 nháy. Tổng trúng 42 điểm lô tương ứng số tiền 3.360.000đ (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H1 là 5.785.000đ (năm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra trước đó, H1 còn được nhắn tin mua số đề với Toàn 06 lần (06 ngày) nhưng tất cả số tiền đánh bạc giữa H1 và T đều dưới 5.000.000đ (năm triệu đồng).

1.4. Hành vi đánh bạc của Đỗ Văn T3.

Đỗ Văn T3 khai bản thân quen biết với Đỗ Xuân T, quá trình quen biết T3 đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với T và được T đồng ý. Sau đó, hàng ngày T3 sử dụng tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0966.091.793 nhắn tin đến tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0343.560.815 của T để mua số lô, số đề.

Quá điều tra đã xác định được, ngày 24/3/2024, bị cáo Đỗ Văn T3 nhắn tin mua với bị can Đỗ Xuân T các số lô gồm: 29, 92 mỗi con 50 điểm tương ứng số tiền là 2.190.000đ (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 24/3/2024, T3 trúng thưởng số lô 29 x50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo T3 là 6.190.000đ (sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra ngày 25/3/2024, T3 còn được nhắn tin mua số lô với T với số tiền 1.752.000đ (một triệu, bảy trăm, năm mươi hai nghìn đồng).

1.5. Hành vi đánh bạc của Cao Thế A1.

Cao Thế A1 khai bản thân quen biết với Đỗ Xuân T, quá trình quen biết Anh đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với T và được T đồng ý. Sau đó, hàng ngày A1 sử dụng tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0868.165.467

nhắn tin đến tài khoản Telegram đăng ký bằng số điện thoại di động 0343.560.815 của T để mua số lô, số đề.

Quá điều tra đã xác định được, ngày 22/3/2024 bị cáo Cao Thế A1 mua với T các số lô gồm: 46 x140 điểm; 84, 42, 19 mỗi con 50 điểm; tổng 290 điểm tương ứng số tiền 6.351.000đ (sáu triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng). Các số đề gồm: 46 x160.000đ; 64 x50.000đ, tương ứng số tiền 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng). Ba càng: 046 x20.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 6.581.000đ (sáu triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 22/3/2024, Anh trúng thưởng số lô 84 x50 điểm tương ứng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo A1 là: 10.581.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Ngày 24/3/2024: Bị cáo Cao Thế A1 mua với T các số lô gồm: 02, 20 mỗi con 5điểm; 68 x50 điểm; 53 x60 điểm; 35 x40 điểm; tổng 160 điểm lô tương ứng số tiền 3.504.000đ (ba triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng). Các số đề gồm: 63, 64 mỗi con 200.000đ; 46, 36, 60, 61 mỗi con 50.000đ; 56, 58 mỗi con 50.000đ; 57 x100.000đ; tương ứng số tiền 800.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề là 4.304.000đ (bốn triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 24/3/2024, Anh trúng thưởng số lô 35 x40 điểm tương ứng số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo Cao Thế A1 là 7.504.000đ (bảy triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng).

Ngoài ra ngày 23, 25/3/2024, Anh còn được nhắn tin mua số lô, số đề với T nhưng tất cả số tiền đánh bạc giữa Anh và T đều dưới 5.000.000đ (năm triệu đồng).

1.6. Hành vi phạm tội của Cao Văn L1.

Cao Văn L1 khai bản thân quen biết với Đỗ Xuân T, quá trình quen biết L1 đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với T và được T đồng ý. Sau đó, hàng ngày L1 sử dụng số điện thoại di động 0862.358.128 nhắn tin đến số điện thoại di động 0343.560.815 của T để mua số lô, số đề.

Quá điều tra đã xác định được, ngày 20/3/2024 bị cáo Cao Văn L1 nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo Đỗ Xuân T với số tiền mua các số đề là: 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), trong đó có số đề 44 x115.000đ (một trăm mười lăm nghìn đồng). Các số lô với số tiền 690.000đ (sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Các số ba càng số tiền 10.000đ. Tổng số tiền mua các số lô, số đề và ba càng là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu kết quả xổ số miền bắc mở thưởng ngày 20/3/2024, L1 trúng thưởng 115.000đ (một trăm mười lăm nghìn đồng) tiền đề số đề 44 tương ứng số tiền 9.660.000đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo L1 là 11.460.000đ (mười một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 đều thành khẩn khai báo hành vi đánh bạc trái phép của bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSBK-P1 ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự có nội dung:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt:

+ Đối với bị cáo Đỗ Xuân T: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ.

+ Đối với bị cáo Cao Thế A1: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị N: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị H1: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

+ Đối với bị cáo Đỗ Văn t: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

+ Đối với bị cáo Cao Văn L1: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58/BLHS: Xử phạt bị cáo số tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47/BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Đối với Nguyễn Thị N: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, gắn ốp lưng viền màu đen, mặt màu nâu, máy đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 sim số điện thoại 0383.559.286 và 0977.993.837 (*Sim tịch thu tiêu hủy*). Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím vật lý, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái ghi dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở màu đỏ, bìa ghi dòng chữ "Vở TÔ CHÚ HOA 1"; 02 (hai) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái in dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở học sinh bìa nhiều màu sắc, tại góc trái bên dưới in dòng chữ "Vở ô ly cao cấp Sắc Màu 80 trang - 5 ô ly MS:1664"; 01 (một) quyển vở không có bìa trước, bìa sau màu vàng nâu, tại góc bên trái phía dưới in dòng chữ "Campus"; 03 (ba) giấy tờ các loại; 01 (một) bìa vở nâu xanh trắng trên mặt bìa góc trên bên phải in dòng chữ "Gabu"; 01 (một) quyển sách "Tiếng việt 3 tập một"; 01 (một) phong bì trên mặt phong bì ghi nhiều số; 01 (một) mảnh giấy trên mặt ghi nhiều số và chữ. Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) vỏ đựng sim điện thoại (không có sim) của nhà mạng Vinaphone. Trả lại cho bị cáo: 01 (một) thẻ ngân hàng B số: 9704 4903 3293 6577 mang tên NGUYEN THI NGA; 01 (một) thẻ tài khoản của ngân hàng B, tên tài khoản NGUYEN THI NGA; 02 (hai) thẻ ngân hàng A3 số 9704 0530 2608 1850 và số 9704 0506 7966 9288 mang tên NGUYEN THI NGA (*tạm giữ của Nguyễn Thị N*).

- Đối với Đỗ Xuân T: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0343.560.815 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0948.556.366 (*Sim tịch thu tiêu hủy*). Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ kit mạng Vinaphone có thẻ sim ghi dãy số 89840200011496569615 và 01 (một) máy tính bỏ túi có dòng chữ CASIO LC- 403TV.

- Đối với Nguyễn Thị H1: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0976.038.255.

- Đối với Cao Văn L1: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong không gắn sim.

- Đối với Đỗ Văn T3: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh nhạt, màn hình cảm ứng,

mặt sau bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0966.091.793 (*Sim tịch thu tiêu hủy*).

- Đối với các tài sản, đồ vật tạm giữ của các đối tượng có liên quan đến vụ án gồm: Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0916.787.523 của Đoàn Văn Đ2; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSmart, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0385.564.594 của Triệu Minh Đ; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, loại bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0392.950.763 của Nông Thị N1; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0332.316.422 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màn hình cảm ứng, màu tím, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0364.933.498 của Nguyễn Văn T7; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0987.597.422 của Hoàng Thị D; Trả lại cho ông Nguyễn Bá H5 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 sim số điện thoại 0972.489.523 và 0916.190.726.

Buộc các bị cáo và người liên quan phải nộp lại số tiền dùng để đánh bạc với nhau để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Đỗ Xuân T nộp tổng số tiền 29.722.000đ; Bị cáo Nguyễn Thị N nộp tổng số tiền 9.663.400đ; Bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp tổng số tiền 5.772.000đ; Bị cáo Cao Văn L1 nộp tổng số tiền 9.660.000đ; Bị cáo Đỗ Văn T3 nộp tổng số tiền 4.000.000đ; Bị cáo Cao Thế A1 nộp tổng số tiền 7.678.000đ; ông Đoàn Văn Đ2 nộp tổng số tiền 460.000đ; ông Triệu Minh Đ nộp tổng số tiền 230.000đ; bà Nông Thị N1 nộp tổng số tiền 500.000đ; ông Nguyễn Văn T7 nộp tổng số tiền 405.000đ; bà Hoàng Thị D nộp tổng số tiền 802.500đ.

- Tạm giữ số tiền các bị cáo nộp tại các bị cáo nộp tại Cục THADS tỉnh để đảm bảo việc thi hành án cho các, cụ thể: Đỗ Xuân T nộp 10.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000168*); Cao Thế A1 nộp 5.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000169*); Nguyễn Thị N nộp 10.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000170*); Cao Văn L1 nộp 5.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000171*); Nguyễn Thị H1 nộp 3.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000172*); Đỗ Văn T3 nộp 4.000.000đ (*Theo biên lai thu tiền số 0000173*).

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2024 đến ngày 25/3/2024, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với Đỗ Xuân T, cụ thể:

Ngày 29/02/2024 bị cáo Đỗ Xuân T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Thị H1 qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.785.000đ (*năm triệu, bảy trăm, tám mươi năm nghìn đồng*).

Ngày 20/3/2024 bị cáo Đỗ Xuân T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 13.023.000đ (*mười ba triệu, không trăm, hai mươi ba nghìn đồng*), trong đó số tiền đánh bạc với bị cáo Cao Xuân L4 là 11.460.000đ (*mười một triệu, bốn trăm, sáu mươi nghìn đồng*) bị cáo Nguyễn Thị H1 là 1.563.000đ (*một triệu, năm trăm, sáu mươi ba nghìn đồng*).

Ngày 22/3/2024 bị cáo Đỗ Xuân T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 12.395.000đ (*mười hai triệu, ba trăm chín mươi năm nghìn đồng*), trong đó số tiền đánh bạc với bị cáo Cao Thế A1 là 10.581.000đ (*mười triệu, năm trăm, tám mươi một nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Thị H1 là 1.584.000đ (*một triệu, năm trăm, tám mươi bốn nghìn đồng*) và anh Đoàn Văn Đ2 là 230.000đ (*hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngày 24/3/2024 bị cáo Đỗ Xuân T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 13.839.000đ (*mười ba triệu, tám trăm, ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó số tiền đánh bạc với bị cáo Cao Thế A1 là 7.504.000đ (*bảy triệu, năm trăm, linh bốn nghìn đồng*); bị cáo Đỗ Văn T3 là 6.190.000đ (*sáu triệu, một trăm, chín mươi nghìn đồng*) và bị cáo Nguyễn Thị H1 là 145.000đ (*một trăm, bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Ngày 25/3/2024 bị cáo Đỗ Xuân T có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh

bạc là 19.683.400đ (*mười chín triệu, sáu trăm, tám mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*), trong đó số tiền đánh bạc với bị cáo Nguyễn Thị N là 16.863.400đ (*mười sáu triệu, tám trăm, sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*); bị cáo Nguyễn Thị H1 là 360.000đ (*ba trăm, sáu mươi nghìn đồng*); Đỗ Văn T3 là 1.752.000đ (*một triệu, bảy trăm, năm mươi hai nghìn đồng*); bị cáo Cao Thế A1 là 478.000đ (*bốn trăm, bảy mươi tám nghìn đồng*) và anh Đoàn Văn Đ2 là 230.000đ (*hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngày 25/3/2024 bị cáo Nguyễn Thị N có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 16.863.400đ (*mười sáu triệu, tám trăm, sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*), trong đó số tiền đánh bạc với anh Nguyễn Văn T7 là 885.000đ (*tám trăm, tám mươi năm nghìn đồng*); chị Hoàng Thị D là 1.522.500đ (*một triệu, năm trăm, hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*); chị Nông Thị N1 là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*); anh Triệu Minh Đ là 1.030.000đ (*một triệu, không trăm, ba mươi nghìn đồng*). Sau đó bị cáo N tổng hợp chuyển cho bị cáo Đỗ Xuân T và đồng thời đánh bạc thêm với bị cáo T là 12.925.900đ (*Mười hai triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn, chín trăm đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Việc cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Xuân T và Cao Thế A1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3 và Cao Văn L1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3 và Cao Văn L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Cao Thế A1 có bố đẻ là ông Cao Phương H2 được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng và có giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh hưởng chế độ người nhiễm chất độc hóa học. Ngoài ra, trong giai đoạn truy tố các bị cáo còn tự nguyện nộp tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án, cụ thể: Bị cáo Đỗ Xuân T nộp số tiền 10.000.000đ theo biên lai số 0000168, ngày 30/8/2024; Bị cáo Cao Thế A1 nộp số tiền 5.000.000đ theo biên lai số 0000169, ngày 30/8/2024; Bị cáo Nguyễn Thị N nộp số tiền 4.000.000đ theo biên lai số 0000170, ngày 30/8/2024; Bị cáo Cao Văn L1 nộp số tiền 5.000.000đ theo biên

lai số 0000171, ngày 30/8/2024; Bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp số tiền 3.000.000đ theo biên lai số 0000172, ngày 30/8/2024; Bị cáo Đỗ Văn T3 nộp số tiền 4.000.000đ theo biên lai số 0000173, ngày 30/8/2024.

Do vậy, các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3 và Cao Văn L1 được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Cao Thế A1 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Xuân T được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án các bị cáo giữ vai trò là đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với nhau, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái phép với nhau và của riêng từng bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Đỗ Xuân T phải chịu trách nhiệm, vai trò cao hơn các bị cáo khác, vì bị cáo không chỉ đánh bạc với bị cáo Nguyễn Thị N mà còn trực tiếp đánh bạc với nhiều bị cáo khác. Do vậy, bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: các bị cáo cả nhiều t×nh tiết giảm nhẹ, có t^oo nhiều kiốn cho các b^đ c^o cả c^h héi s^oa ch÷a lợi l^om vụ t^o-i^oc ti^op t^oc lao t^ong l^om t^on lương thi^on; Héi t^oang x^ot x^ot th^oey ch÷a c^on thi^ot ph^oi p d^ong h^on^oh ph^ot t^oi m^o ch^o c^on ph^ot mét kho^on t^oon t^ong x^ong v^oi h^on^oh vi ph^om t^oi của các b^đ c^o g^oy ra l^om ph^oi h^op.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Truy thu số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và số tiền các bị cáo thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bị cáo Đỗ Xuân T nộp tổng số tiền 29.722.000đ, trong đó gồm: 9.200.000đ tiền trúng thưởng lô của Nguyễn Thị N ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho N; 1.752.000đ tiền đánh bạc của Đỗ Văn T3 ngày 25/3/2024 đã thanh toán cho T; 4.304.000đ tiền đánh bạc của Cao Thế A1 ngày 24/3/2024 đã thanh toán cho T; 2.190.000đ tiền đánh bạc của Đỗ văn Thức ngày 24/3/2024 đã thanh toán cho T; 230.000đ tiền đánh bạc của Đoàn Văn Đ2 ngày 22/3/2024 đã thanh toán cho T; 400.000đ tiền trúng thưởng của Nguyễn Thị H1 ngày 22/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho H1; 6.581.000đ tiền đánh bạc của Cao Thế A1 ngày

22/3/2024 đã thanh toán cho T; 840.000đ tiền trúng thưởng của Nguyễn Thị H1 ngày 20/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho H1; 1.800.000đ tiền đánh bạc của Cao Văn L1 ngày 20/3/2024 đã thanh toán cho T; 2.425.000đ tiền đánh bạc của Nguyễn Thị H1 ngày 29/02/2024 đã thanh toán cho T.

- Bị cáo Nguyễn Thị N nộp tổng số tiền 9.663.400đ, trong đó gồm: 480.000đ tiền trúng thưởng của Nguyễn Văn T7 ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T7; 720.000đ tiền trúng thưởng của Hoàng Thị D ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho D; 800.000đ tiền trúng thưởng của Triệu Minh Đ ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho Đ; 7.663.400đ tiền đánh bạc với Đỗ Xuân T ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T.

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp tổng số tiền 5.772.000đ, trong đó gồm: 3.360.000đ tiền trúng thưởng ngày 29/02/2024 Đỗ Xuân T đã thanh toán cho H1; 723.000đ tiền đánh bạc với T ngày 20/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T; 1.184.000đ tiền đánh bạc với T ngày 22/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T; 145.000đ tiền đánh bạc với T ngày 24/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T; 360.000đ tiền đánh bạc với T ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T.

- Bị cáo Cao Văn L1 nộp tổng số tiền 9.660.000đ là tiền trúng thưởng ngày 20/3/2024 do Đỗ Xuân T đã thanh toán cho L1.

- Bị cáo Đỗ Văn T3 nộp tổng số tiền 4.000.000đ là tiền trúng thưởng ngày 24/3/2024 do Đỗ Xuân T đã thanh toán cho T3.

- Bị cáo Cao Thế A1 nộp tổng số tiền 7.678.000đ, trong đó gồm: 4.000.000đ tiền trúng thưởng ngày 22/3/2024 Đỗ Xuân T đã thanh toán cho A1; 3.200.000đ tiền trúng thưởng ngày 24/3/2024 T đã thanh toán cho A1; 478.000đ tiền đánh bạc với T nhưng chưa thanh toán cho T.

- Ông Đoàn Văn Đ2 nộp tổng số tiền 460.000đ, trong đó gồm: 230.000đ tiền đánh bạc với T ngày 25/3/2024 và 230.000đ tiền đánh bạc với T ngày 22/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho T.

- Ông Triệu Minh Đ nộp tổng số tiền 230.000đ là tiền đánh bạc với Nguyễn Thị N ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho N.

- Bà Nông Thị N1 nộp tổng số tiền 500.000đ là tiền đánh bạc với Nguyễn Thị N ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho N.

- Ông Nguyễn Văn T7 nộp tổng số tiền 405.000đ là tiền đánh bạc với Nguyễn Thị N ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho N.

- Bà Hoàng Thị D nộp tổng số tiền 802.500đ là tiền đánh bạc với Nguyễn Thị N ngày 25/3/2024 nhưng chưa thanh toán cho N.

[7] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, tài sản và được bảo quản theo quy định gồm:

- Phong bì niêm phong của Phòng C Công an tỉnh V ghi “Mẫu trả” kèm theo KLGĐ số 1653/KL-KTHS, ngày 10/6/2024 bên trong có: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, gắn ốp lưng viền màu đen, mặt màu nâu, máy đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 sim số điện thoại 0383.559.286 và 0977.993.837 của bị cáo Nguyễn Thị N. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định chiếc điện thoại trên bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán số lô,

số đề, do vậy cần tịch thu hóa giá chiếc điện thoại sung vào ngân sách Nhà nước, sim tịch thu tiêu hủy.

- Phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Nga 1” bên trong có: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím vật lý, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là điện thoại của Nguyễn Thị N, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo N, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

- Đối với 01 (một) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái ghi dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở màu đỏ, bìa ghi dòng chữ "Vở TÔ CHỮ HOA 1"; 02 (hai) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái in dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở học sinh bìa nhiều màu sắc, tại góc trái bên dưới in dòng chữ "Vở ô ly cao cấp Sắc Màu 80 trang - 5 ô ly MS:1664"; 01 (một) quyển vở không có bìa trước, bìa sau màu vàng nâu, tại góc bên trái phía dưới in dòng chữ "Campus"; 03 (ba) giấy tờ các loại; 04 (bốn) vỏ đựng sim điện thoại (không có sim) của nhà mạng Vinaphone; 01 (một) bìa vở nâu xanh trắng trên mặt bìa góc trên bên phải in dòng chữ "Gabu"; 01 (một) quyển sách "Tiếng việt 3 tập một"; 01 (một) phong bì trên mặt phong bì ghi nhiều số; 01 (một) mảnh giấy trên mặt ghi nhiều số và chữ. Các vật chứng tạm giữ của Nguyễn Thị N, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu trả lại, xét thấy vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) thẻ ngân hàng B số: 9704 4903 3293 6577 mang tên NGUYEN THI NGHA; 01 (một) thẻ tài khoản của ngân hàng B, tên tài khoản NGUYEN THI NGHA; 02 (hai) thẻ ngân hàng A3 số 9704 0530 2608 1850 và số 9704 0506 7966 9288 mang tên NGUYEN THI NGHA. Các vật chứng tạm giữ của Nguyễn Thị N, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo N.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0332.316.422; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màn hình cảm ứng, màu tím, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0364.933.498 trong phong bì niêm phong ký hiệu “T1” tạm giữ của ông Nguyễn Văn T7, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông T7.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0987.597.422 trong phong bì niêm phong ký hiệu “D1” tạm giữ của bà Hoàng Thị D, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bà D.

- Phong bì niêm phong của Phòng C Công an tỉnh V ghi “Mẫu trả” kèm theo KLGD số 1652/KL-KTHS, ngày 10/6/2024 bên trong có: 01 (một) điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0343.560.815; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0948.556.366 tạm giữ của Đỗ Xuân T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định 02 chiếc điện thoại trên bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán số lô, số đề, do vậy cần tịch thu hóa giá đối với 02 chiếc điện thoại trên sung vào ngân sách Nhà nước, sim tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) bộ kit mạng Vinaphone có thẻ sim ghi dãy số 89840200011496569615 và 01 (một) máy tính bỏ túi có dòng chữ CASIO LC-403TV tạm giữ của Đỗ Xuân T, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu trả lại, xét thấy vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 sim số điện thoại 0972.489.523 và 0916.190.726 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Học” tạm giữ của Nguyễn Bá H5, cần trả lại cho ông H5.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, loại bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0392.950.763 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Nhị” tạm giữ của Nông Thị N1, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bà N1.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSmart, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0385.564.594 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Đồng” tạm giữ của Triệu Minh Đ, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Đ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh nhạt, màn hình cảm ứng, mặt sau bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0966.091.793 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Thức” tạm giữ của Đỗ Văn T3. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định chiếc điện thoại trên bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán số lô, số đề, do vậy cần tịch thu hóa giá chiếc điện thoại sung vào ngân sách Nhà nước, sim tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0916.787.523 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Đăng” tạm giữ của Đoàn Văn Đ2, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Đ2.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong không gắn sim trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Lượng” tạm giữ của Cao Văn L1, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L1.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0976.038.255 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Hằng” tạm giữ của Nguyễn Thị H1, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) của Đỗ Xuân T để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Tạm giữ số tiền các bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo.

[8] Các nội dung khác của vụ án:

- Đối với lời khai của Đỗ Xuân T: Ngày 25/3/2024 và nhiều ngày trước đó, bản thân T được sử dụng số điện thoại di động 0343.560.815 của mình để mua bán các số lô, số đề với số điện thoại 0981.819.424 của người đàn ông tên H5 nhà ở huyện N, tỉnh Bắc Kạn (*không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể*), ông H5 có sử dụng số tài khoản 092368689999 của ngân hàng M1 để mua số lô số đề với T và trước đây năm 2023, T có gặp Học một lần trên xe khách về huyện N và từ đó đến nay chưa gặp lại Học lần nào, bản thân không nhớ rõ đặc điểm của H5. Qua kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại của T phát hiện nội dung tin nhắn chứa nội dung nghi vấn mua bán số lô, số đề từ số điện thoại 0981.819.424 của ông H5 với số điện thoại 0343.560.815 của T. Kết quả kiểm tra các sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng của T phát hiện có giao dịch tiền với số tài khoản 092368689999 mang tên “NGUYEN BA HOC”.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại 0981.819.424 và số tài khoản 092368689999 của ngân hàng M1. Hiện nay không xác định được ai là người đăng ký và sử dụng số điện thoại 0981.819.424, còn số tài khoản 092368689999 cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định ông Nguyễn Bá H5, sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là chủ tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (M1) số 1092368689999. Quá trình điều tra ông H5 khai nhận do nhà bán hàng tạp hoá nên khi có khách nhờ chuyển khoản hoặc nhận tiền hộ từ số tài khoản 135088888868 mang tên “DO XUAN TOAN” thì ông có chuyển và nhận tiền hộ khách và ông không biết số tiền đó khách nhờ chuyển khoản cho ai và không biết đó là tiền gì. Ông không được đăng ký và sử dụng số điện thoại 0981.819.424. Bản thân ông từ trước đến nay không quen biết và không được thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề với Đỗ Xuân T.

Ngoài lời khai của bị cáo Đỗ Xuân T thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (*các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...*) đủ căn cứ vững chắc chứng minh ông H5 đã thực hiện hành vi đánh bạc với bị cáo Đỗ Xuân T vào ngày 25/3/2024 và các ngày trước đó. Nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với ông Nguyễn Bá H5.

- Đối với lời khai của Đỗ Xuân T: Ngày 25/3/2024 và nhiều ngày trước đó, bản thân T được sử dụng số điện thoại di động 0343.560.815 của mình để mua bán các số lô, số đề với số điện thoại 0367.526.415 của người đàn ông tên K (tên gọi khác K1) nhà ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (*không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể*), ông K có sử dụng số tài khoản 1010101010955 của ngân hàng M1 để mua số lô số đề với T. Trước đó đầu năm 2024, T có gặp K tại quán nước và từ đó đến nay chưa gặp lại K lần nào, bản thân không nhớ rõ đặc điểm của K.

Kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại của bị cáo Đỗ Xuân T phát hiện nội dung tin nhắn chứa nội dung nghi vấn mua bán số lô, số đề giữa số điện thoại 0367.526.415 của ông K với số điện thoại 0343.560.815 của T. Kết quả kiểm tra

các sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng của bị cáo Đỗ Xuân T và số tài khoản 1010101010955 của ngân hàng M1 mang tên “PHAM VAN KHOA” phát hiện có giao dịch tiền với nhau.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại 0367.526.415 và số tài khoản 1010101010955 của ngân hàng M1. Hiện nay không xác định được ai là người đăng ký và sử dụng số điện thoại 0367.526.415 còn số tài khoản 1010101010955 của ngân hàng M1, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định ông Phạm Văn K2 (tên gọi khác K), sinh năm 1955, trú tại xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định là chủ tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (M1) số 1010101010955. Quá trình điều tra ông K2 trình bày bản thân ông bị tai biến liệt nửa người từ tháng 02/2024, từ đó đến nay bản thân đi lại khó khăn và chỉ điều trị ở nhà không đi đâu. Trước đây có được đăng ký tài khoản của ngân hàng M1 nhưng do đã lâu không sử dụng hiện nay bản thân cũng không nhớ số tài khoản và không sử dụng tài khoản đó. Hiện nay ông cũng không sử dụng tài khoản ngân hàng nào. Ông và gia đình không ai được đăng ký và sử dụng số điện thoại 0367.526.415. Bản thân ông từ trước đến nay không quen biết và không được thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề với bị cáo Đỗ Xuân T.

Ngoài lời khai của bị cáo Đỗ Xuân T thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (*các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...*) đủ căn cứ vững chắc chứng minh ông K2 được thực hiện hành vi đánh bạc với bị cáo Đỗ Xuân T trong ngày 25/3/2024 và các ngày trước đó. Nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với ông Phạm Văn K2.

- Đối với lời khai của Đỗ Xuân T: Ngày 25/3/2024 và nhiều ngày trước đó, bản thân T sau khi nhận các tin nhắn mua các số lô, số đề của những người khác thì T chuyển toàn bộ các số lô, số đề cho một người đàn ông không quen biết tên T8 (*Không rõ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể*) nhà ở tỉnh Bắc Kạn. T8 sử dụng số điện thoại 0865.197.233 cùng tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 (B1) số 8840894984 mang tên “LA VAN XUAN”. Bản thân T chưa gặp trực tiếp người đàn ông tên T8 lần nào. Khi thanh toán tiền mua số lô, số đề với T8 đều qua tài khoản ngân hàng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại 0865.197.233 và số tài khoản Ngân hàng TMCP Đ3 (B1) số 8840894984. Hiện nay, không xác định được ai là người đăng ký và sử dụng số điện thoại 0865.197.233. Đối với số tài khoản 8840894984 của Ngân hàng TMCP Đ3 (B1), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định ông La Văn X, sinh năm 1932, trú tại thôn T, xã T, huyện B là chủ tài khoản. Qua xác minh tại địa phương và gia đình ông La Văn X cung cấp: ông X do tuổi cao sức yếu, nên hiện nay không được minh mẫn, tinh táo và không đủ sức để làm việc với Cơ quan điều tra. Ông X hiện nay không sử dụng điện thoại và không sử dụng tài khoản ngân hàng nào. Gia đình ông X không có ai được đăng ký, sử dụng số điện thoại 0865.197.233 và số tài khoản 8840894984 của ngân hàng TMCP Đ3 (B1).

Ngoài lời khai của bị cáo Đỗ Xuân T thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (*các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...*) đủ căn cứ vững chắc chứng minh ông La Văn X được thực hiện hành

vi đánh bạc với bị cáo Đỗ Xuân T trong ngày 25/3/2024 và các ngày trước đó. Nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với ông La Văn X.

- Đối với lời khai của Đỗ Xuân T: Khoảng giữa năm 2023, khi đi làm thuê tại tỉnh Quảng Ninh, T có quen một người đàn ông tên Hoàng A2 (*T không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể*) giới thiệu và cho T số điện thoại của người đàn ông tên T8 nhà ở tỉnh Bắc Kạn có nhận bán số lô, số đề. T chưa gặp trực tiếp người đàn ông tên T8 bao giờ mà chỉ nhắn tin gọi điện với nhau. T8 cho T làm thư ký cho T8. Hằng ngày T nhận số lô, số đề của người khác sau đó chuyển cho T8 để hưởng tiền chênh lệch. Tuy nhiên, T không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên T8 và Hoàng A2. Nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, xử lý.

- Đối với hành vi đánh bạc trái phép của Đỗ Xuân T đã xử lý hình sự, thì trước đó T còn có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể:

Ngày 21/3/2024, T nhận tin nhắn mua các số lô, số đề của Nguyễn Thị H1 với số tiền đánh bạc là 635.000đ (*sáu trăm, ba mươi năm nghìn đồng*).

Ngày 23/3/2024, T đã bán số lô, số đề cho những người sau:

+ T nhận tin nhắn mua các số lô, số đề của Nguyễn Thị H1 với số tiền đánh bạc là 1.120.000đ (*một triệu, một trăm, hai mươi nghìn đồng*).

+ T nhận tin nhắn mua các số lô, số đề của Cao Thế A1 với tổng số tiền đánh bạc là 3.187.500đ (*ba triệu, một trăm, tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 23/3/2024, của T với Nguyễn Thị H1 và Cao Thế A1 là 4.307.500đ (*bốn triệu, ba trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng*). Tổng số tiền đánh bạc của T trong ngày 21/3/2024 và ngày 23/3/2024 dưới 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Bản thân T không có tiền án, tiền sự nên các lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi đánh bạc trái phép ngày 29/02/2024 của Nguyễn Thị H1 đã xử lý hình sự, thì sau đó H1 còn có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức nhắn tin mua bán số lô, số đề 06 ngày với T, cụ thể:

+ Ngày 20/3/2024, số tiền đánh bạc là 1.563.000đ (*một triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

+ Ngày 21/3/2024, số tiền đánh bạc là 635.000đ (*sáu trăm, ba mươi năm nghìn đồng*).

+ Ngày 22/3/2024, số tiền đánh bạc là 1.584.000đ (*một triệu, năm trăm, tám mươi bốn nghìn đồng*).

+ Ngày 23/3/2024, số tiền đánh bạc là 1.120.000đ (*một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*).

+ Ngày 24/3/2024, số tiền đánh bạc là 145.000đ (*một trăm bốn năm nghìn đồng*);

+ Ngày 25/3/2024, số tiền đánh bạc là 360.000đ (*ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Số tiền đánh bạc của bị cáo Nguyễn Thị H1 từ ngày 20/3/2024 đến ngày 25/3/2024, đều dưới 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Bản thân H1 không có tiền án, tiền sự nên các lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi đánh bạc trái phép ngày 24/3/2024 của Đỗ Văn T3 đã xử lý hình sự, thì ngày 25/3/2024, T3 còn có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức nhắn tin mua bán số lô, số đề với T với số tiền đánh bạc là 1.752.000đ (*một triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Bản thân T3 không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi đánh bạc của Cao Thế A1 đã xử lý hình sự, thì ngày A còn có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức nhắn tin mua bán số lô, số đề với T, cụ thể:

+ Ngày 23/3/2024, tổng số tiền đánh bạc là 3.187.500đ (*ba triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*);

+ Ngày 25/3/2024, tổng số tiền đánh bạc là 478.000đ (*bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Bản thân Anh không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với nội dung Cao Văn L1 và Cao Thế A1 khai: Ngoài các lần đánh bạc đã được làm rõ còn có nhiều lần khác được mua số lô, số đề với Đỗ Xuân T, tuy nhiên cơ quan điều tra không thu giữ được các dữ liệu có liên quan và không xác định được các số lô, số đề và số tiền cụ thể nên không đủ căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với Đoàn Văn Đ2, sinh năm 1983 trú tại tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Quá trình điều tra xác định Đ2 và T có 02 ngày nhắn tin mua bán số lô với nhau, cụ thể: Ngày 22/3/2024, tổng số tiền đánh bạc là 230.000đ (*hai trăm, ba mươi nghìn đồng*).

+ Ngày 25/3/2024, tổng số tiền đánh bạc là 230.000đ (*hai trăm, ba mươi nghìn đồng*). Bản thân Đ2 không có tiền án, tiền sự nên các lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với Nguyễn Văn T7, sinh năm 1978 trú tại tổ N, thị trấn Y, huyện N. Qua điều tra xác định ngày 25/3/2024, T7 được nhắn tin mua số các số lô với Nguyễn Thị N với tổng số tiền 885.000đ (*tám trăm, tám mươi năm nghìn đồng*). Bản thân T7 không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với Hoàng Thị D, sinh năm 1980 trú tại tổ N, thị trấn Y, huyện N. Qua điều tra, xác định ngày 25/3/2024, D được nhắn tin mua số các số lô, số đề với Nguyễn Thị N với tổng số tiền 1.522.500đ (*một triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*). Bản thân D không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với Nông Thị N1, sinh năm 1972 trú tại tổ N, thị trấn Y, huyện N. Qua điều tra, xác định ngày 25/3/2024, N1 được nhắn tin mua số các số lô với Nguyễn Thị N với tổng số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Bản thân N1 không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Đối với Triệu Minh Đ, sinh năm 1966 trú tại thôn V, xã T, huyện N. Qua điều tra, xác định ngày 25/3/2024, Đ được nhắn tin mua số các số lô với Nguyễn Thị N với tổng số tiền 1.030.000đ (*một triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*). Bản thân Đ không có tiền án, tiền sự nên lần đánh bạc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã phát hiện, tạm giữ các số thuê bao di động có liên quan gồm: 0343.560.815; 0868.165.467; 0374.096.529; 0392.950.763; 0865.197.233; 0981.819.424; 0383.559.286; 0385.564.594; 0862.358.128; 0399.553.509; 0332.316.422; 0948.556.366; 0966.091.793; 0367.526.415; 0987.597.422. Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi các nhà mạng V1, V, M2 để tra cứu thông tin các số thuê bao trên, đến nay một số nhà mạng chưa có kết quả trả lời, một số nhà mạng có kết quả tuy nhiên không có thông tin về các số thuê bao hoặc có thông tin nhưng không đầy đủ, do đó không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính và các vấn đề khác là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Thế A1 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn L1 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Không phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền dùng để đánh bạc và số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bị cáo Đỗ Xuân T phải nộp tổng số tiền 29.722.000đ (hai mươi chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng);

- Bị cáo Nguyễn Thị N nộp tổng số tiền 9.663.400đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp tổng số tiền 5.772.000đ (năm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng);

- Bị cáo Cao Văn L1 nộp tổng số tiền 9.660.000đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Bị cáo Đỗ Văn T3 nộp tổng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);

- Bị cáo Cao Thế A1 nộp tổng số tiền 7.678.000đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng);

- Ông Đoàn Văn Đ2 nộp tổng số tiền 460.000đ (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Ông Triệu Minh Đ nộp tổng số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng);

- Bà Nông Thị N1 nộp tổng số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Văn T7 nộp tổng số tiền 405.000đ (bốn trăm linh năm nghìn đồng);

- Bà Hoàng Thị D nộp tổng số tiền 802.500đ (tám trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, gắn ốp lưng viền màu đen, mặt màu nâu, máy đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị N; Tịch thu tiêu hủy đối với 02 sim số điện thoại 0383.559.286 và 0977.993.837 gắn trong điện thoại. (đựng trong Phong bì niêm phong của Phòng C Công an tỉnh V ghi “Mẫu trả”);

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím vật lý, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim nhưng không còn sử dụng được của Nguyễn Thị N. (đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Nga 1”)

- Tịch thu tiêu hủy của Nguyễn Thị N: 01 (một) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái ghi dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở màu đỏ, bìa ghi dòng chữ "Vở TÔ CHỮ HOA 1"; 02 (hai) quyển vở học sinh, bìa nhiều màu sắc, tại góc dưới bên trái in dòng chữ "VỞ Ô LY CAO CẤP SẮC MÀU NEW 48 trang - 5 ô ly MS: 1824"; 01 (một) quyển vở học sinh bìa nhiều màu sắc, tại góc trái bên dưới in dòng chữ "Vở ô ly cao cấp Sắc Màu 80 trang - 5 ô ly MS:1664"; 01 (một) quyển vở không có bìa trước, bìa sau màu vàng nâu, tại góc bên trái phía dưới in dòng chữ "Campus"; 03 (ba) giấy tờ các loại; 04 (bốn) vỏ đựng sim điện thoại (không có sim) của nhà mạng Vinaphone; 01 (một) bìa vở nâu xanh trắng trên mặt bìa góc trên bên phải in dòng chữ "Gabu"; 01 (một) quyển sách "Tiếng việt 3 tập một"; 01 (một) phong bì trên mặt phong bì ghi nhiều số; 01 (một) mảnh giấy trên mặt ghi nhiều số và chữ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N: 01 (một) thẻ ngân hàng B số: 9704 4903 3293 6577 mang tên NGUYEN THI NGA; 01 (một) thẻ tài khoản của ngân hàng B, tên tài khoản NGUYEN THI NGA; 02 (hai) thẻ ngân hàng A3 số 9704 0530 2608 1850 và số 9704 0506 7966 9288 mang tên NGUYEN THI NGA.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Văn T7: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0332.316.422; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màn hình cảm ứng, màu tím, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0364.933.498 trong phong bì niêm phong ký hiệu “T1” của ông Nguyễn Văn T7,.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bà Hoàng Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0987.597.422 trong phong bì niêm phong ký hiệu “D1” của bà Hoàng Thị D.

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0343.560.815; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0948.556.366 của Đỗ Xuân T (trong phong bì niêm phong của Phòng Công an tỉnh V ghi “Mẫu trả”).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ kit mạng Vinaphone có thẻ sim ghi dãy số 89840200011496569615 và 01 (một) máy tính bỏ túi có dòng chữ CASIO LC-403TV của Đỗ Xuân T.

- Trả lại cho ông Nguyễn Bá H5: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 sim số điện thoại 0972.489.523 và 0916.190.726 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Học” của Nguyễn Bá H5.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bà Nông Thị N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, loại bàn phím vật lý, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0392.950.763 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Nhị” của Nông Thị N1.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Triệu Minh Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSmart, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0385.564.594 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Đồng” của Triệu Minh Đ.

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh nhạt, màn hình cảm ứng, mặt sau bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0966.091.793 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Thức” của Đỗ Văn T3.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Đoàn Văn Đ2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0916.787.523 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Đăng” của Đoàn Văn Đ2.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Cao Văn L1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong không gắn sim trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Lượng” của Cao Văn L1.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị H1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0976.038.255 trong phong bì niêm phong ký hiệu “ĐT Hằng” của Nguyễn Thị H1.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) của Đỗ Xuân T để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

- Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo Đỗ Xuân T, Cao Thế A1, Nguyễn Thị N, Cao Văn L1, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, cụ thể: Số tiền 10.000.000đ do bị

cáo Đỗ Xuân T nộp theo biên lai số 0000168, ngày 30/8/2024; Số tiền 5.000.000đ do bị cáo Cao Thế A1 nộp theo biên lai số 0000169, ngày 30/8/2024; Số tiền 4.000.000đ do bị cáo Nguyễn Thị N nộp theo biên lai số 0000170, ngày 30/8/2024; Số tiền 5.000.000đ do bị cáo Cao Văn L1 nộp theo biên lai số 0000171, ngày 30/8/2024; Số tiền 3.000.000đ do bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp theo biên lai số 0000172, ngày 30/8/2024; Số tiền 4.000.000đ do bị cáo Đỗ Văn T3 nộp theo biên lai số 0000173, ngày 30/8/2024.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H1, Đỗ Văn T3, Cao Thế A1 và Cao Văn L1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hưng